

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 1096/2004/QĐ-NHNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 9 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế hoạt động bao thanh toán của các tổ chức tín dụng

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước số 01/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Luật Các Tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các Tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, Cơ quan ngang Bộ; Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng phi ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế hoạt động bao thanh toán của các tổ chức tín dụng".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Các Ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

QUY CHẾ

Hoạt động bao thanh toán của các tổ chức tín dụng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1096/2004/QĐ-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2004
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về việc thực hiện nghiệp vụ bao thanh toán của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng nhằm đa dạng hoá hoạt động tín dụng, bổ sung vốn lưu động cho khách hàng, thúc đẩy hoạt động thương mại trong nước và quốc tế.

2. Đối tượng áp dụng:

2.1. Tổ chức tín dụng thực hiện nghiệp vụ bao thanh toán là các tổ chức tín dụng thành lập và hoạt động theo Luật các Tổ chức tín dụng, gồm:

- Ngân hàng thương mại nhà nước;
- Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Ngân hàng liên doanh;
- Ngân hàng 100% vốn nước ngoài;
- Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Công ty tài chính.

2.2. Khách hàng được tổ chức tín dụng bao thanh toán là các tổ chức kinh tế Việt Nam và nước ngoài cung ứng hàng hoá và được thụ hưởng các khoản phải thu phát sinh từ việc mua, bán hàng hoá theo thoả thuận giữa bên bán hàng và bên mua hàng tại hợp đồng mua, bán hàng (sau đây được viết tắt là bên bán hàng).

Điều 2. Khái niệm

Bao thanh toán là một hình thức cấp tín dụng của tổ chức tín dụng cho bên bán hàng thông qua việc mua lại các khoản phải thu phát sinh từ việc mua, bán hàng hoá đã được bên bán hàng và bên mua hàng thoả thuận trong hợp đồng mua, bán hàng.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện bao thanh toán:

Hoạt động bao thanh toán phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng được thực hiện bao thanh toán và phù hợp với qui định của pháp luật Việt Nam;
2. Đảm bảo các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia vào hợp đồng bao thanh toán và các bên có liên quan đến khoản phải thu;
3. Khoản phải thu được bao thanh toán phải có nguồn gốc từ các hợp đồng mua, bán hàng phù hợp với qui định của pháp luật liên quan.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị bao thanh toán: là các tổ chức tín dụng quy định tại điểm 2.1, khoản 2, Điều 1 của Quy chế này được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho thực hiện hoạt động bao thanh toán.
2. Bao thanh toán trong nước: là việc bao thanh toán dựa trên hợp đồng mua, bán hàng, trong đó bên bán hàng và bên mua hàng là người cư trú theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.
3. Bao thanh toán xuất-nhập khẩu: là việc bao thanh toán dựa trên hợp đồng xuất-nhập khẩu.
4. Đơn vị bao thanh toán xuất khẩu: là đơn vị thực hiện bao thanh toán cho bên bán hàng là bên xuất khẩu trong hợp đồng xuất-nhập khẩu.
5. Đơn vị bao thanh toán nhập khẩu: là đơn vị được phép hoạt động bao thanh toán tham gia vào qui trình bao thanh toán xuất-nhập khẩu.
6. Bên mua hàng: là tổ chức được nhận hàng hoá từ bên bán hàng và có nghĩa vụ thanh toán các khoản phải thu quy định tại hợp đồng mua, bán hàng.
7. Hợp đồng mua, bán hàng: là thoả thuận bằng văn bản giữa bên bán hàng và bên mua hàng về việc mua, bán hàng hoá theo quy định của pháp luật, trong đó bên mua hàng chưa đến hạn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán.
8. Chứng từ bán hàng: là các chứng từ liên quan đến việc giao hàng và việc yêu cầu thanh toán của bên bán hàng đối với bên mua hàng trên cơ sở hợp đồng mua, bán hàng.

9. Số dư bao thanh toán: là số tiền mà đơn vị bao thanh toán ứng trước cho bên bán hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bao thanh toán.

10. Khoản phải thu: là khoản tiền bên bán hàng phải thu từ bên mua hàng theo hợp đồng mua, bán hàng.

11. Hạn mức bao thanh toán: là tổng số dư tối đa của các khoản phải thu được bao thanh toán trong một khoảng thời gian nhất định theo thỏa thuận của đơn vị bao thanh toán và bên bán hàng trong hợp đồng bao thanh toán.

Điều 5. Cơ quan cho phép hoạt động bao thanh toán

Các tổ chức tín dụng quy định tại Điều 1 của Quy chế này muốn được thực hiện hoạt động bao thanh toán phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận bằng văn bản.

Điều 6. Áp dụng các điều ước và tập quán quốc tế

1. Các điều ước quốc tế về bao thanh toán mà CHXHCN Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định tại điều ước quốc tế đó.

2. Các bên có thể thỏa thuận áp dụng các quy tắc, tập quán và thông lệ về bao thanh toán, nếu các quy tắc, tập quán và thông lệ đó không trái với pháp luật Việt Nam.

Chương II

HOẠT ĐỘNG BAO THANH TOÁN

Mục 1

CHẤP THUẬN HOẠT ĐỘNG BAO THANH TOÁN

Điều 7. Điều kiện để được hoạt động bao thanh toán:

1. Ngân hàng Nhà nước cho phép thực hiện hoạt động bao thanh toán trong nước khi tổ chức tín dụng có đủ các điều kiện sau:

- a. Có nhu cầu hoạt động bao thanh toán;
- b. Tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng dư nợ cho vay tại thời điểm cuối tháng của 3 tháng gần nhất dưới 5%; không vi phạm các quy định về an toàn hoạt động ngân hàng;
- c. Không thuộc đối tượng đang bị xem xét xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc đã bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài chính, ngân

hàng nhưng đã khắc phục được hành vi vi phạm.

2. Đối với hoạt động bao thanh toán xuất-nhập khẩu:

Ngoài các điều kiện qui định tại khoản 1 Điều này, tổ chức tín dụng xin hoạt động bao thanh toán xuất-nhập khẩu phải là tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối.

Điều 8. Hồ sơ xin chấp thuận hoạt động bao thanh toán

1. Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoạt động bao thanh toán bao gồm:

a. Văn bản của Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng hoặc người được uỷ quyền đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho tổ chức tín dụng hoạt động bao thanh toán. Trường hợp uỷ quyền, phải có văn bản uỷ quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Đối với Chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam phải có văn bản của Tổng giám đốc (Giám đốc) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

b. Phương án hoạt động bao thanh toán, trong đó nêu rõ nhu cầu thực hiện nghiệp vụ bao thanh toán, đối tượng khách hàng dự kiến và kế hoạch hoạt động;

c. Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

d. Báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng năm gần nhất đã được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập; báo cáo về việc thực hiện các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng tại thời điểm gần nhất theo qui định.

2. Đối với hoạt động bao thanh toán xuất-nhập khẩu:

Ngoài các hồ sơ qui định tại khoản 1 Điều này, hồ sơ xin hoạt động bao thanh toán xuất - nhập khẩu còn bao gồm bản sao giấy phép hoạt động ngoại hối do Ngân hàng Nhà nước cấp.

Điều 9. Trình tự và thủ tục chấp thuận hoạt động bao thanh toán

Trình tự và thủ tục đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoạt động bao thanh toán của tổ chức tín dụng: